

**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
CỦA HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				TT. Thạch Giám	xã Hữu Khuông	xã Lương Minh	xã Lưu Kiền
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(37)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>60,33</b>	<b>1,05</b>	<b>39,26</b>	<b>0,20</b>	<b>2,69</b>
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,80				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,62</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,67				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	7,82	0,76	0,35	0,20	0,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	29,40		29,37		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	21,64	0,29	9,54		2,49
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>17,16</i>	<i>0,29</i>	<i>9,54</i>		<i>2,49</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN					
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN					
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>						
	Trong đó:						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS					
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU					
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS					
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU					
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR (a)					
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR (a)					
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR (a)					
2.10	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR (a)</i>					
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>					

*Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.  
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.*

**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
CỦA HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN**

Đơn vị tính: ha

Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
	xã Mai Sơn	xã Nga My	xã Nhôn Mai	xã Tam Đình	xã Tam Hợp	xã Tam Quang	xã Tam Thái	xã Xá Lượng	xã Xiêng My	xã Yên Hoà	xã Yên Na	xã Yên Thắng	xã Yên Tĩnh
(3)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
<b>NNP/PNN</b>	<b>4,46</b>	<b>0,63</b>	<b>0,70</b>	<b>8,60</b>	<b>0,10</b>	<b>0,66</b>	<b>0,40</b>	<b>0,30</b>	<b>0,10</b>	<b>0,10</b>	<b>0,10</b>	<b>0,88</b>	<b>0,10</b>
LUA/PNN	0,01		0,01									0,78	
LUC/PNN	0,01		0,01									0,60	
HNK/PNN			0,57				0,10						
CLN/PNN	0,15	0,26	0,10	4,30	0,10	0,30	0,30	0,30	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
RPH/PNN	0,01		0,02										
RDD/PNN													
RSX/PNN	4,29	0,37		4,30		0,36							
RSN/PNN	4,11	0,37				0,36							
NTS/PNN													
LMU/PNN													
NKH/PNN													
LUA/CLN													
LUA/LNP													
LUA/NTS													
LUA/LMU													
HNK/NTS													
HNK/LMU													
RPH/NKR (a)													
RDD/NKR (a)													
RSX/NKR (a)													
RSN/NKR (a)													
<b>PKO/OCT</b>													